

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2018

V/v: “Ly hôn, con chung giữa
anh T và chị Th”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thái

Ông Nguyễn Hải Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng ông Nguyễn Vũ K, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951

Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1980

Đều ở địa chỉ: Số nhà 58, đường V, phường Đ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt anh T, ông D, bà B có lý do, vắng mặt chị Th, ông K, bà N, anh H không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị Th cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 19-3-2008 tại UBND phường Đ, thành phố Nam Định. Sau khi kết hôn anh T và chị Th chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, anh T làm công việc liên quan đến Viễn Thông, còn chị Th ở nhà làm công việc nội trợ. Sau khi sinh con thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th hay cáu kỉnh, nói năng vô cớ và có những lời lẽ không kiểm soát, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng hơn mặc dù anh T đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng chung sống hòa thuận, càng ngày chị Th có những lời nói khó nghe đối với anh T và bố mẹ đẻ anh, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay được hơn 1 năm. Nay anh T xét thấy tình cảm giữa anh và chị Th không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có tương lai, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không thể về chung sống đoàn tụ với nhau nên anh T vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như vậy là hoàn toàn đúng sự thật đúng như anh Nguyễn Văn T đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, anh T làm nghề xây dựng đi làm ăn xa nên nhiều lần quan hệ ngoại tình với người khác, chị Th đã phát hiện và nhẫn nhịn góp ý để anh T chấm dứt quan hệ bất chính. Khoảng 2 năm trở lại đây anh T làm ăn ở thành phố Đà Lạt đã có quan hệ chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác rồi bỏ mặc, lạnh nhạt với mẹ con chị, bố mẹ anh và chị Th đã nhiều lần động viên nhưng anh không sửa đổi vẫn tiếp tục quan hệ, anh đã nhiều lần động viên chị thuận tình ly hôn thì anh T để lại nhà đất cho chị nuôi con nhưng chị không đồng ý thì anh T nhiều lần đánh đập chị chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, ý kiến của chị Th là không nhất trí ly hôn, chị mong anh T rút đơn về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về quan hệ nuôi con: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th đều trình bày vợ chồng có hai con chung con lớn Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 21-12-

2008 hiện nay đang học lớp 5 trường tiểu học xã P, con nhỏ Nguyễn Thị Hà An, sinh ngày 27-10-2014. Hai con chung đang sống cùng bố mẹ đẻ anh T ở xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn nguyện vọng của anh T, chị Th đều xin được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung, anh T không yêu cầu chị Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T cố tình xin ly hôn thì chị Th yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Vợ chồng anh chị có một nhà xây hai tầng và công trình phụ khác trên thổ đất diện tích 110 m², nguồn gốc đất bố mẹ anh T công bố cất cho vợ chồng làm nhà vào năm 2012 nhưng chưa chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, hiện vẫn còn đứng tên bố mẹ anh T; đồ dùng sinh hoạt có 4 chiếc giường, một bộ bàn ghế sa lông tàu, hai chiếc tủ đứng; hai chiếc ti vi, một tủ lạnh, một máy giặt và một số dụng cụ sinh hoạt nhỏ khác. Nếu anh T cố tình ly hôn thì chị Th xin quản lý, sử dụng nhà đất để nuôi con. Anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng anh không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, chị Th kê khai công nợ anh không công nhận vì anh không biết các khoản nợ đó. Chị Nguyễn Thị Th trình bày chị có vay tiền của bố mẹ đẻ chị ông Nguyễn Vũ K và bà Nguyễn Thị N 30.000.000đ, vay của anh trai Nguyễn Quốc H 25.000.000đ, chị vay làm nhiều lần đến nay chị không nhớ chính xác từng lần vay vì là chỗ bố con, anh em trong gia đình nên không viết giấy tờ biên nhận mà chỉ hợp đồng miệng với nhau, mục đích vay về nuôi con và chi tiêu trong gia đình. Khi ly hôn chị Yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả nợ cùng với chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D trình bày: sau khi anh T và chị Th kết hôn được 4 năm thì xin ra ở riêng và làm nhà, vợ chồng ông D đã cho vợ chồng anh chị mượn thửa đất vườn số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 149 m² tại xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên vợ chồng ông D. Nay vợ chồng anh T, chị Th ly hôn quan điểm của ông D sẽ lấy lại diện tích đất đó để sau này hai con chung của anh T, chị Th đến tuổi trưởng thành vợ chồng ông sẽ cho lại các cháu, số tài sản anh chị xây dựng trên đất anh chị tự thỏa thuận giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Vũ K, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc H không có bản tự khai giao nộp cho Tòa án và không đến Tòa án làm việc và nhận các văn bản tố tụng lần nào.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B xin được vắng mặt, chị Nguyễn Thị Th đã bỏ nhà đi mấy tháng nay không rõ địa chỉ, ông Nguyễn Vũ K, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Vũ K, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, chị Th đã có bản tự khai. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th, ông K, bà N, anh H không đến tham gia phiên họp và phiên tòa lần hai. Anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B xin được vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Th, ông K, bà N, anh H, ông D, bà B.

[2] Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 19-3-2008 tại UBND phường Đ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng T xuyên xẩy ra đánh cãi chửi nhau, chị Th không tin tưởng anh T, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay được hơn 1 năm.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th có hai con chung cháu Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 21-12-2008, cháu Nguyễn Thị Hà An, sinh ngày 27-10-2014, hiện nay đang sống cùng với bố mẹ đẻ anh T. Khi ly hôn nguyện vọng của anh T và chị Th đều xin được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi dưỡng 02 con chung thì thấy hiện nay anh T đang làm việc với đối tác Viettel mức thu nhập hàng tháng bình quân hơn mười triệu. Trong khi chị Th không có nghề nghiệp ổn định lại bỏ nhà đi làm ăn xa nhà, đã biệt tích mấy tháng nay không có thông tin và địa chỉ, thời gian vừa qua chị đã bỏ lại hai con ở nhà không còn quan tâm và có trách nhiệm với hai con đã có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân, mặc khác hai con lại đang do bố mẹ đẻ

anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, chị Nguyễn Thị Th đã có đơn yêu cầu giải quyết về phân tài sản và công nợ, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí giao cho chị Th nhận nhưng hết thời hạn ghi trong thông báo chị Th không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ K, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc H cũng không có tự khai, không đến Tòa án làm việc lần nào. Căn cứ các Điều 146 và khoản 1, khoản 2 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án chưa xem xét, giải quyết đến phân tài sản chung và công nợ của vợ chồng anh T, chị Th. Sau này anh T, chị Th có thể tự thương lượng giải quyết với nhau nếu không tự thỏa thuận được thì anh T hoặc chị Th có quyền khởi kiện vụ án về chia tài sản chung và công nợ sau khi ly hôn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 21-12-2008 và cháu Nguyễn Thị Hà An, sinh ngày 27-10-2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002435 ngày 21-3-2018 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã P: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (7 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

